

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

Bản án số: 270/2022/HNGĐ-ST

Ngày 02 -11-2022

“V/v Ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Trọng Tâm

Ông Huỳnh Hoàng Khởi

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Xuân Thùy Dương – Là thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau.

Ngày 02 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 497/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 296/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T; Sinh năm: 1991; Cư trú tại: đường L, khóm I, phường V, thành phố C, tỉnh Cà Mau; (có mặt)

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Trung H; Sinh năm: 1988; Hộ khẩu thường trú: Số B, đường L, khóm Y, phường V, thành phố C, tỉnh Cà Mau; Chỗ ở hiện nay: đường L, khóm I, phường V, thành phố C, tỉnh Cà Mau; (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Nguyễn Thị T trình bày tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và được bổ sung tại phiên tòa như sau:

- *Về hôn nhân:* Chị và anh Nguyễn Trung H tự nguyện chung sống vào năm 2008, đến năm 2015 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 6, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong làm ăn, phát triển kinh tế gia đình, anh H không hỗ trợ chị chi phí sinh hoạt, nuôi con. Vợ chồng thường xuyên cãi nhau và đã ly thân với nhau từ tháng 02 đến tháng 8/2022, từ tháng 8 năm 2022 anh H về chung sống tại nhà mẹ ruột chị khóm 3, phường 6, thành phố Cà Mau, có cho tiền các con sinh hoạt. Tuy nhiên, chị xác định chị không còn tình cảm với anh H, nếu tiếp tục chung sống sẽ không hạnh phúc nên chị yêu cầu được ly hôn với anh H.

- *Về con chung*: Chị và anh H 02 người con chung Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 22/10/2009 và Nguyễn Kim C, sinh ngày 21/3/2019, hiện đang sống cùng chị và anh H. Khi ly hôn, chị yêu cầu nuôi cả 02 người con chung, yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi mỗi người con 1.000.000 đồng/tháng.

- *Về tài sản*: Chị xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Chị xác định không nợ ai, không ai nợ anh, chị.

Anh Nguyễn Trung H trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và được bổ sung tại phiên tòa như sau:

- *Về hôn nhân*: Về thời gian kết hôn, nơi đăng ký kết hôn đúng như chị T trình bày. Trong thời gian chung sống vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn gì trầm trọng dẫn đến ly hôn. Tuy nhiên, vợ chồng không sống chung từ tháng 02 đến tháng 8/2022 do chị T nói về nhà mẹ ruột sống để chăm sóc con, từ tháng 8 năm 2022 đến nay anh đã về chung sống tại nhà cha mẹ ruột chị T và có cho con tiền chi phí sinh hoạt. Việc anh không hỗ trợ chị T chi phí sinh hoạt, nuôi con trong một khoảng thời gian như chị T trình bày là đúng, vì lý do thời gian đó anh tH nợ nên phải trả nợ, anh nhận thấy bản thân cũng có lỗi nhưng hiện nay anh đã khắc phục, sửa chữa khuyết điểm. Anh xác định vẫn còn tình cảm với vợ, nên chị T yêu cầu ly hôn anh không đồng ý, anh yêu cầu được đoàn tụ.

- *Về con chung*: Anh và chị T có 02 người con chung Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 22/10/2009 và Nguyễn Kim C, sinh ngày 21/3/2019, hiện đang sống cùng anh và chị T. Quá trình giải quyết vụ án, anh xác định trường hợp Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn, anh yêu cầu được nuôi cháu Kim C, giao cháu K cho chị T nuôi dưỡng, không đặt ra yêu cầu giải quyết về nghĩa vụ cấp dưỡng. Trường hợp Tòa án quyết định giao cả 02 người con chung cho chị T nuôi dưỡng thì anh đồng ý cấp dưỡng nuôi mỗi người con 1.000.000 đồng/tháng. Tuy nhiên tại phiên tòa, anh xác định trường hợp Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn anh đồng ý giao cả 02 người con chung cho chị T nuôi dưỡng, anh đồng ý mức cấp dưỡng nuôi mỗi người con 1.000.000 đồng/tháng.

- *Về tài sản chung*: Anh xác định không có, không yêu cầu giải quyết.

- *Về nợ chung*: Anh xác định không nợ ai, không ai nợ anh, chị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là về việc Ly hôn.

[2] Hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Trung H, Hội đồng xét xử thấy rằng chị T và anh H chung sống hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên hôn nhân của anh chị được pháp luật công nhận và bảo vệ. Chị T cho rằng thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong làm ăn, phát triển kinh tế gia đình, anh H không hỗ trợ chị chi phí sinh hoạt, nuôi con. Vợ chồng thường xuyên cãi nhau và đã ly thân với nhau một khoảng thời gian, đến tháng 8/2022 anh H về chung sống tại nhà cha mẹ ruột của chị T nhưng chị T xác định không còn tình cảm với anh H. Anh H cho rằng trong thời gian chung sống vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn gì trầm trọng

dẫn đến ly hôn, anh xác định bản thân cũng có khuyết điểm nhưng hiện nay anh đã sửa chữa khắc phục khuyết điểm, anh vẫn còn tình cảm với vợ, nên chị T yêu cầu ly hôn anh không đồng ý, anh yêu cầu được đoàn tụ. Tại phiên tòa, chị T kiên quyết yêu cầu ly hôn, anh H không đồng ý. Tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình quy định “Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”. Xét thấy, quá trình chung sống, anh H không có hành vi bạo lực đối với vợ, con, chị T và anh H xảy ra mâu thuẫn nhưng không trầm trọng, lý do lớn nhất để chị T yêu cầu ly hôn là do anh H không hỗ trợ chị T chi phí sinh hoạt, nuôi con nhưng hiện nay anh H đã sửa chữa khuyết điểm, việc này tại phiên tòa chị T cũng thừa nhận. Mặt khác, chị T cũng không cung cấp chứng cứ chứng minh cho việc vợ chồng có mâu thuẫn trầm trọng, đến mức phải ly hôn. Vì thế, anh chị tuy có xảy ra mâu thuẫn nhưng không trầm trọng, nhận thấy có thể hàn gắn được để anh chị tiếp tục chung sống, cùng chăm sóc, giáo dục con chung, xây dựng hạnh phúc gia đình. Do đó, không chấp nhận yêu cầu của chị T về việc ly hôn với anh H là có căn cứ.

[3] Do không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên không xem xét, giải quyết về con chung.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự xác định không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết là có căn cứ.

[5] Về nợ chung: Các đương sự xác định không có, không ai yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết là có căn cứ.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Nguyên đơn phải nộp án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Hôn nhân: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T về việc yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Trung H.

Con chung; Tài sản chung; Nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng. Ngày 23/9/2022, chị T đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau theo biên lai số 0001976, được đối trừ, chuyển thu, nộp Ngân sách Nhà nước.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu TM (TANDTPCM).

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc Hân